\TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 33/2023/KDTM-ST
Ngày: 29-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Lệ.

2. Ông Nguyễn Văn Soan.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh***: không tham gia.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2022/TLST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2023/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 148/2023/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công Ty Cổ Phần Đ
Địa chỉ: Đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
Đại diện ủy quyền: Ông Trần Uyên N, sinh năm: 1976. (Có mặt)
Địa chỉ: 77/31/15 Kp 3, phường Tam Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Công Ty N.
Địa chỉ: Đường T, phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/7/2022 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Uyên N trình bày:

Ngày 22/11/2019 Công Ty Cổ Phần Đ và Công Ty N, đã ký hợp đồng mua bán số 76/2019/HĐKT.BTO. Theo đó, Công Ty Cổ Phần Đ cung cấp bê tông trộn sẵn cho Công ty N, với số lượng là 800m^3, thành tiền là 920.000.000 đồng. 10 ngày kể tử ngày cung cấp bê tông Công ty N phải thanh toán tiền.

Thực hiện hợp đồng Công Ty Cổ Phần Đ đã cung cấp bê tông với tổng khối lượng là: 409m^3 thành tiền: 516.240.000 đồng.

Qua nhiều lần thanh toán Công ty N trả được: 326.480.000 đồng, còn lại 189.760.000 đồng.

Mặc dù phía Công Ty Cổ Phần Đ cung cấp hàng hóa đầy đủ, phía Công ty N cũng đã ký biên bản công nợ. Tuy nhiên, bị đơn cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 29/5/2023, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 189.760.000 đồng.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phía Công ty N trả số tiền 189.760.000 đồng. ngoài ra không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là Công ty N đã được Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn đều vắng mặt cũng như không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[*1.1*] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo khởi kiện đề ngày 28/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa. Và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản

1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[*1.2*] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền có mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khác quan. Do đó, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về yêu cầu của đương sự:*

[2.1] Căn cứ hợp đồng kinh tế số 76/2019/HĐKT.BTO ngày 22/11/2019 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/03/2021, có cơ sở xác định, bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 189.760.000 đồng. Việc bị đơn chưa thanh toán số tiền nêu trên là vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại mục 4.2 Điều 4 của hợp đồng mà đôi bên đã ký kết. Do đó, bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ 189.760.000 đồng cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005

Đối với khoản tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty N thanh toán cho Công Ty Cổ Phần Đ, số tiền 189.760.000 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 9.488.000 đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 50, 306 Luật Thương mại 2005,

Áp dụng các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

1.Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công Ty Cổ Phần Đ, buộc Công Ty N trả cho Công Ty Cổ Phần Đ số tiền 189.760.000 đồng phát sinh từ hợp đồng mua bán số 76/2019/HĐKT.BTO ngày 22/11/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Công Ty N phải chịu 9.488.000 đồng tiền án phí;

Hoàn lại cho Công Ty Cổ Phần Đ số tiền 4.744.000 đồng theo biên lai số AA/2022/0012374 ngày 26/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3.Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TANDTP.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thành Phong